

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số 371 /QĐ-ĐHKTQD ngày 15 / 04 /2024 của Hiệu trưởng)

1. THÔNG TIN CHUNG

Chương trình/Programme:	Cử nhân Quan hệ lao động /Bachelor of Labor Relations
Trình độ đào tạo/Level of Education:	Đại học/Undergraduate
Ngành đào tạo/Major:	Quan hệ lao động / Labor Relations
Mã ngành/Code:	7340408
Hình thức đào tạo/Type of Education:	Chính quy/Full-time
Ngôn ngữ đào tạo/Language:	Tiếng Việt/Vietnamese
Thời gian đào tạo/Duration Time:	4 năm/ 4 Years
Số tín chỉ:	130
Quyết định mở ngành, cấp ban hành:	372/QĐ-ĐHKTQD ngày 15/04/2024 của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân
Kiểm định chương trình:	
Thời điểm điều chỉnh:	Tháng năm
Áp dụng từ năm tuyển sinh:	2024 (khóa 66 đại học chính quy)
Đơn vị cấp bằng:	Trường Đại học Kinh tế Quốc dân
Đơn vị quản lý chuyên môn:	Khoa Kinh tế và Quản lý nguồn nhân lực

2. TRIẾT LÝ, MỤC TIÊU ĐÀO TẠO VÀ ĐỊNH HƯỚNG NƠI LÀM VIỆC SAU TỐT NGHIỆP

2.1 Triết lý giáo dục

Kiến tạo con đường thông minh để mỗi người trở thành phiên bản tốt nhất của chính mình, mang lại giá trị cho cộng đồng.

2.2. Mục tiêu đào tạo

- Mục tiêu chung: Đào tạo cử nhân Quan hệ lao động có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt, có trách nhiệm với xã hội; nắm vững các kiến thức cơ bản về kinh tế xã hội, pháp luật, quản lý và quản trị kinh doanh; có các kiến thức chuyên sâu về mối quan hệ giữa các bên liên quan trong lao động và việc làm, có các kiến thức đồng bộ và đa ngành, cập nhật với tình hình kinh tế, chính trị, luật pháp và xã hội trong nước và quốc tế liên quan đến quan hệ lao động, có bản lĩnh nghề nghiệp vững vàng; có các kỹ năng thương lượng, hoà giải và đàm phán, có khả năng làm việc độc lập và theo nhóm, có năng lực tự bổ sung kiến thức và tiếp tục học tập nâng cao trình độ để đáp ứng yêu cầu của công việc.

- Mục tiêu cụ thể

Mã /Code	Mô tả /Description
PO1	Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về lý luận chính trị, văn hoá, lịch sử, phong tục tập quán của Việt Nam. Đào tạo cử nhân có hiểu biết về pháp luật Việt Nam, kinh tế và quản trị kinh doanh, có hiểu biết chuyên sâu về quan hệ lao động trong tổ chức và doanh nghiệp trong bối cảnh toàn cầu hoá, cách mạng công nghiệp 4.0 và già hoá dân số; có kiến thức chuyên sâu về tổ chức thực hiện chức năng và nhiệm vụ của quan hệ lao động; phân tích, đánh giá và đề xuất các biện pháp hiệu quả, sáng tạo để giải quyết các vấn đề về quan hệ lao động trong tổ chức.
PO2	Trang bị và rèn luyện kỹ năng chuyên môn nghề nghiệp trong việc lập kế hoạch, thực hiện và kiểm soát các công việc liên quan đến quản lý quan hệ lao động, hoạt động công đoàn, thương lượng tập thể, giúp doanh nghiệp chủ động xây dựng quan hệ lao động hài hòa. Hình thành và phát triển kỹ năng đặc thù trong việc hòa giải, trọng tài và giải quyết các tranh chấp lao động theo nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, hợp tác, tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của các bên liên quan, thực hiện đầy đủ những điều đã cam kết, cũng như các qui định của Nhà nước
PO3	Rèn luyện tác phong chuyên nghiệp, tuân thủ kỷ luật lao động, có tinh thần trách nhiệm, có đạo đức nghề nghiệp, dựa trên các quy định pháp luật, các chuẩn mực quan hệ lao động trong nước và quốc tế.

	Hình thành và nâng cao năng lực dẫn dắt về chuyên môn liên quan đến quan hệ lao động, năng lực tự định hướng, tự thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau. Trau dồi năng lực tiếp tục tự học, nghiên cứu và học tập ở bậc cao hơn về quan hệ lao động
--	---

3. CHUẨN ĐẦU VÀO

- Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương
- Đáp ứng các điều kiện khác theo quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Đề án tuyển sinh đại học của Trường đại học Kinh tế quốc dân.

4. CHUẨN ĐẦU RA

4.1 Chuẩn đầu ra của chương trình

Khi tốt nghiệp, sinh viên có thể:

Mã /Code	Nội dung chuẩn đầu ra
1.	Chuẩn về kiến thức
a.	Chuẩn kiến thức chung của Trường
PLO1.1	Vận dụng được thế giới quan, nhân sinh quan, phương pháp luận của Chủ nghĩa Mác-Lênin và của Đảng Cộng sản Việt Nam vào học tập, nghiên cứu, vào đời sống thực tiễn trong quá trình phát triển nền kinh tế thị trường định hướng XHCN.
PLO1.2	Vận dụng được kiến thức cơ bản về pháp luật, kinh tế, quản trị kinh doanh, quản lý vào giải quyết các vấn đề kinh tế-xã hội ở tầm vĩ mô, ngành và doanh nghiệp.
PLO1.3	Vận dụng được các kiến thức về CNTT, các kiến thức về phân tích định lượng vào thực tế, gắn kết với chuyển đổi số ở các cấp độ khác nhau.
b.	Chuẩn kiến thức của ngành
PLO1.4	Vận dụng được kiến thức về, thống kê, marketing, hành vi tổ chức, quản trị nhân lực, an toàn và sức khỏe nghề nghiệp trong phân tích và đánh giá các mối quan hệ lao động ở cấp độ vi mô và vĩ mô.
PLO1.5	Hiểu và vận dụng đồng bộ các lý thuyết, các nguyên lý cơ bản về đàm phán, thương lượng, giải quyết xung đột, thông tin và truyền thông vào hoạt động quản lý quan hệ lao động trong tổ chức.
PLO1.6	Phân tích, đánh giá được các ảnh hưởng của bối cảnh kinh tế, xã hội, dân số và lao động, môi trường, đầu tư, kinh tế quốc tế và đến các vấn đề quan hệ lao động ở cả góc độ vi mô và vĩ mô.
2.	Chuẩn về kỹ năng
a.	Chuẩn kỹ năng chung của trường
PLO2.1	Kết hợp (mức 4) các kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản: sử dụng máy tính;

Mã /Code	Nội dung chuẩn đầu ra
	xử lý văn bản; sử dụng bảng tính; sử dụng trình chiếu; sử dụng internet... để học tập, nghiên cứu và ứng dụng thực tế (chi tiết theo Quyết định số 785/QĐ-ĐHKTQD ngày 21/4/2020 của Hiệu trưởng)
PLO2.2	Thành thạo (mức 4) tiếng Anh cơ bản để học tập, nghiên cứu và sử dụng trong thực tế. (chi tiết theo Quyết định số 785/QĐ-ĐHKTQD ngày 21/4/2020 của Hiệu trưởng).
b.	Chuẩn kỹ năng của ngành
PLO2.3	Xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và đánh giá được hiệu quả quan hệ lao động trong tổ chức; hình thành và vận dụng được các kỹ năng thương lượng, trọng tài, hòa giải nhằm giải quyết thoả đáng các tình huống tranh chấp lao động.
PLO2.4	Giải quyết tốt các vấn đề về truyền thông nội bộ và bên ngoài liên quan đến quan hệ lao động, hợp tác hiệu quả với Công đoàn và các tổ chức trong và ngoài doanh nghiệp có liên quan tổ chức các hoạt động đối thoại xã hội, thương lượng tập thể và giải quyết các bất đồng liên quan đến quan hệ lao động.
PLO2.5	Sử dụng thành thạo các công cụ thu thập dữ liệu và phân tích dữ liệu định tính và định lượng chuyên sâu để phân tích và đánh giá các vấn đề thuộc quan hệ lao động, sử dụng thành thạo các phần mềm SPSS, Nvivo... để hỗ trợ cho công việc liên quan đến quan hệ lao động.
PLO2.6	Có kỹ năng làm việc độc lập và theo nhóm hiệu quả; có thể phân tích, tổng hợp, đánh giá các xu thế kinh tế-xã hội và chính sách liên quan đến quan hệ lao động. Có kỹ năng giao tiếp, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng tư duy phản biện và sáng tạo để giải quyết tốt các vấn đề trong thực tiễn.
3.	Chuẩn về năng lực tự chủ và trách nhiệm
PLO3.1	Thể hiện đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp; tuân thủ và chấp hành pháp luật, có ý thức tổ chức kỷ luật; năng động, nhiệt huyết và luôn có tinh thần hợp tác và trách nhiệm với công việc. (Mức 5)
PLO3.2	Thể hiện được khả năng đưa ra các kết luận chính xác, dẫn dắt và tạo ảnh hưởng về chuyên môn trong các lĩnh vực chuyên sâu; có sáng kiến trong thực hiện các công việc chuyên môn. Có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể. (Mức 5)
PLO3.3	Có năng lực tự học tập, tự nghiên cứu, tích lũy kinh nghiệm, có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn, có năng lực tự định hướng và thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau có khả năng tiếp tục học cao hơn nhằm nâng cao trình độ chuyên môn. . (Mức 5)

4.2. Ma trận đáp ứng mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra

	PO1	PO2	PO3
PLO1.1	x		
PLO1.2	x		
PLO1.3	x		
PLO1.4	x		
PLO1.5	x		
PLO1.6	x		
PLO2.1		x	
PLO2.2		x	
PLO2.3		x	
PLO2.4		x	
PLO2.5		x	
PLO2.6		x	
PLO3.1			x
PLO3.2			x
PLO3.3			x

4.3. Cơ hội làm việc và khả năng học tập nâng cao

- Cơ hội việc làm:

Cử nhân ngành quan hệ lao động có thể làm việc tại: (1) Các cơ quan, tổ chức tư vấn, hoạch định và thực thi các chính sách về quan hệ lao động của Đảng, Chính phủ, các Bộ chuyên ngành, các tỉnh, thành phố. (2) Các viện nghiên cứu về lao động, các trường đại học khối kinh tế và kinh doanh. (3) Các công ty nghiên cứu, tư vấn kinh tế độc lập, chuyên sâu, các trung tâm đào tạo ngành nghề, việc làm trong lĩnh vực quản lý nguồn nhân lực. (4) Chủ tịch công đoàn của công ty, Ủy viên ban chấp hành công đoàn, cán bộ công đoàn phụ trách những vấn đề liên quan đến công đoàn của công ty. (5) Các tổ chức quốc tế, tổ chức phi Chính phủ, các dự án liên quan đến các vấn đề quan hệ lao động. (6) Vị trí phụ trách bộ phận nhân sự trong các doanh nghiệp, các vị trí phụ trách tiền lương và phúc lợi, sức khỏe, trách nhiệm xã hội, quản lý hợp đồng hay văn thư tại bộ phận nhân sự ở các công ty, doanh nghiệp. (7) Vị trí phụ trách quan hệ công chúng (PR), quảng cáo truyền thông của công ty và quản lý phòng ban có liên quan.

- Khả năng học tập nâng cao trình độ sau tốt nghiệp:

Cử nhân ngành Quan hệ lao động có thể tiếp tục học tập ở bậc thạc sĩ, tiến sĩ ngành quan hệ lao động, quản trị nhân lực, ngành kinh tế và quản trị kinh doanh tại các cơ sở đào tạo về kinh tế, kinh doanh và quản trị nhân lực trong và ngoài nước.

5. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

Chương trình đào tạo theo quy chế đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân. Kế hoạch đào tạo chuẩn là 04 năm, sinh viên có thể tốt nghiệp sớm hoặc muộn theo quy định.

Sinh viên được công nhận tốt nghiệp nếu đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

- a) Tích lũy đủ học phần, số tín chỉ và đạt chuẩn đầu ra ngoại ngữ, tin học của chương trình đào tạo;
- b) Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt từ trung bình trở lên;
- c) Có chứng chỉ Giáo dục quốc phòng - an ninh và hoàn thành học phần Giáo dục thể chất;
- d) Hoàn thành “Tuần sinh hoạt công dân-sinh viên” và đạt điểm đánh giá rèn luyện theo quy định đối với sinh viên đại học chính quy;
- đ) Tại thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập.

6. CẤU TRÚC VÀ NỘI DUNG CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

6.1. Cấu trúc của chương trình

Thành phần	Số TC	Ghi chú
1. Giáo dục đại cương	47	
1.1. Các học phần chung	14	Lý luận chính trị và pháp luật
1.2. Các học phần chung của trường	21	4 học phần chung và ngoại ngữ
1.3. Các học phần chung của lĩnh vực	12	4 học phần chung của lĩnh vực
1.4. Giáo dục thể chất	-	3 tín chỉ
1.5. Giáo dục Quốc phòng - An ninh	-	165 tiết/8 tín chỉ quy đổi
2. Giáo dục chuyên nghiệp	83	
2.1. Các học phần chung của nhóm ngành	12	4 học phần chung của nhóm ngành
2.2. Các học phần của ngành	61	
2.2.1. Các học phần bắt buộc	31	
2.2.2. Các học phần tự chọn	30	SV tự chọn 10 học phần trong tổ hợp 15 học phần
2.3. Khóa luận tốt nghiệp	10	
TỔNG SỐ	130	Không gồm GDTC và GDQP-AN

6.2. Nội dung và kế hoạch giảng dạy

TT	Nội dung và kế hoạch giảng dạy		Mã HP	Số TC	Học kỳ (dự kiến)	Mã HP tiên quyết
	1. GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG			47		
	1.1. Các học phần chung			14		
1	1	Triết học Mác - Lênin Marxist-Leninist Philosophy	LLNL1105	3	I	
2	2	Kinh tế Chính trị Mác - Lênin Political Economics of Marxism and Leninism	LLNL1106	2	II	
3	3	Chủ nghĩa Xã hội Khoa học Scientific Socialism	LLNL1107	2	II	
4	4	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam Communist Party History	LLDL1102	2	III	
5	5	Tư tưởng Hồ Chí Minh Ho Chi Minh Ideology	LLTT1101	2	III	
6	6	Pháp luật đại cương /Fundamentals of Laws	LUCS1129		I	
		Giáo dục Thể chất Physical Education	GDTC	3		
		Giáo dục Quốc phòng và An ninh Military Education	GDQP	8		
	1.2. Các học phần của Trường			21		
7	1	Kinh tế vi mô 1 Microeconomics 1	KHMI1101	3	I	
8	2	Kinh tế vĩ mô 1 Macroeconomics 1	KHMA1101	3	II	
9	3	Toán cho các nhà kinh tế Mathematics for Economics	TOCB1110	3	I	
10	4	Khoa học dữ liệu trong kinh tế và kinh doanh/ Data Science in Economics and Business	TOKT1138	3	IV-V	
11	5	Ngoại ngữ Foreign Language	NNKC	9	I-II-III	
	1.3. Các học phần chung của lĩnh vực			12		
12	1	Thống kê trong kinh tế và kinh doanh Statistics in Economics and Business	TKKD1129	3	II	
13	2	Quản trị kinh doanh 1 Business Management 1	QTTH1102	3	II	
14	3	Nguyên lý kế toán Accounting Principles	KTKE1101	3	III	
15	4	Marketing căn bản	MKMA1104	3	III	

TT	Nội dung và kế hoạch giảng dạy		Mã HP	Số TC	Học kỳ (dự kiến)	Mã HP tiên quyết
		Marketing Principles				
	2. GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP			83		
	2.1. Các học phần chung của nhóm ngành			12		
16	1	Kinh tế nguồn nhân lực Human Resource Economics	NLKT1117	3	III	
17	2	Kinh tế đầu tư Investment Economics	DTKT1154	3	IV	
18	3	Quản lý nhà nước trong nền kinh tế thị trường Economic Management in Market Economy	QLKT1112	3	II	
19	4	Hệ thống thông tin quản lý Management Information System	TIHT1102	3	IV	
	2.2 Các học phần của ngành			61		
	2.2.1 Các học phần bắt buộc			31		
20	1	Luật lao động Labour Law	LUKD1108	3	IV	LUCS1129
21	2	Tâm lý học lao động Psychology of Labour	NLXH1101	3	IV	NLXH1105
22	3	Thương lượng tập thể Collective negotiation	NLKT1131	3	VI	
23	4	Quản lý An toàn và sức khỏe nghề nghiệp Occupational safety and health	NLKT1118	3	VII	
24	5	Kinh tế lao động Labor Economics	NLKT1115	3	V	
25	6	Hành vi tổ chức Organizational Behavior	NLQT1101	3	IV	
26	7	Quản lý hoạt động công đoàn Management of union activities	NLKT1127	3	VI	
27	8	Quan hệ lao động Industrial Relations/Labor Relations	NLKT1109	3	V	
28	9	Quản trị nhân lực Human Resource Management	NLQT1103	3	V	
29	10	Chuyên đề thực tế Project	NLKT1124	4	IV-V-VI	NLQT1103
	2.2.2 Các học phần tự chọn (SV tự chọn 10 học phần trong tổ hợp 15 học phần)			30		
30	1	Lịch sử văn hóa Việt Nam Cutural history of Vietnam	DLKS1150	3	IV	

TT	Nội dung và kế hoạch giảng dạy		Mã HP	Số TC	Học kỳ (dự kiến)	Mã HP tiên quyết
31	2	Dân số và phát triển Population and Development	NLDS1103	3	III	
32	3	Xã hội học Sociology	NLXH1106	3	IV	
33	4	Văn hóa doanh nghiệp Corporate culture	QTVH1111	3	VI	
34	5	Kinh tế lao động nâng cao Labor Economics Advanced	NLKT1116	3	IV	
35	6	Quản lý nguồn nhân lực trong tổ chức công Human Resource Management in public sector organisations	NLKT1121	3	VII	
36	7	Quản trị sự đa dạng Managing Diversity	NLKT1129	3	VII	
37	8	Quản trị nhân lực chiến lược Strategic Human Resource Management	NLQT1111	3	VI	
38	9	Quản lý và giải quyết xung đột Conflict management and resolution	NLKT1128	3	V	
39	10	Phương tiện và thông điệp truyền thông Communication media and content	MKTT1153	3	VI	
40	11	Quản trị khủng hoảng Crisis Management	MKTT1140	3	VII	
41	12	Phát triển nguồn nhân lực Human Resource Development	NLKT1106	3	VI	
42	13	Tạo động lực lao động Motivating employees	NLKT1130	3	V	
43	14	Phát triển bản thân và sự nghiệp Personal and Professional development	NLKT1126	3	VII	
44	15	Quản trị thù lao lao động Compensation Management	NLQT1119	3	VI	
45	Khóa luận tốt nghiệp <i>Graduation Thesis</i>		NLKT1125	10	VIII	
	Tổng số tín chỉ (không gồm GDTC và GDQP-AN)			130		

7. MÔ TẢ CÁC HỌC PHẦN (Phụ lục 1)

8. MA TRẬN LIÊN KẾT CÁC HỌC PHẦN VÀ CHUẨN ĐẦU RA (Phụ lục 2)

9. PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY VÀ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP

9.1. Phương pháp giảng dạy

- Chương trình chủ yếu sử dụng phương pháp giảng dạy theo mô hình Lecture/Seminar phối hợp với các phương pháp khác như dạy theo vấn đề, tình huống, mô phỏng, theo dự án và tăng cường trải nghiệm thực tế, kiến tập và thực tập.

- Phương pháp giảng dạy từng học phần được ghi trong đề cương chi tiết. Tổng quát có các phương pháp sau đây:

- o Thuyết giảng
- o Thảo luận nhóm
- o Giảng dạy theo tình huống

- Đóng góp của của phương pháp giảng dạy vào chuẩn đầu ra được ghi chi tiết trong đề cương học phần.

9.2. Phương pháp đánh giá kết quả học tập

- Về đánh giá kết quả học tập từng học phần theo tỷ lệ 10% điểm chuyên cần, 40% điểm đánh giá quá trình và 50% điểm thi kết thúc học phần.

- Đánh giá điểm chuyên cần: Sự tham dự giờ giảng theo quy định

- Phương pháp đánh giá quá trình: Thảo luận trên lớp; Bài tập về nhà; Bài tập nhóm; Thuyết trình; Kiểm tra nhanh; Viết luận

- Phương pháp đánh giá thi kết thúc học phần (cuối kỳ): Trắc nghiệm; tự luận; Viết báo cáo; Thực địa/thực hành; Dự án; Thuyết trình; Bài tập tình huống.

- Đánh giá quá trình và đánh giá kết thúc học kỳ, khóa luận tốt nghiệp... dựa trên các rubrics, ma trận đề thi đảm bảo độ tin cậy, độ giá trị, chính xác và công bằng.

- Đóng góp của của phương pháp giảng dạy vào chuẩn đầu ra được ghi chi tiết trong đề cương học phần.

- Từng học phần được đánh giá theo thang điểm 10 được quy đổi ra thang điểm chữ, thang điểm 4 theo quy định.

9.3. Đánh giá chuẩn đầu ra của khóa học

Kết thúc khóa học, Trường/Khoa/Viện đánh giá mức độ đạt được chuẩn đầu ra của khóa học, bao gồm:

- Đánh giá mức độ đạt được của sinh viên trước khi tốt nghiệp (qua khảo sát).

- Hệ thống quản lý đào tạo tự động tính mức độ đạt được của chuẩn đầu ra khóa học khi sinh viên tốt nghiệp.

- Nhà tuyển dụng đánh giá mức độ đạt được chuẩn đầu ra của sinh viên sau khi tốt nghiệp được 01 năm/12 tháng (qua khảo sát).

10. CÁC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THAM KHẢO

- Chương trình đào tạo cử nhân ngành Quan hệ lao động của Trường Đại học Rutgers, Mỹ với đường link: <https://smlr.rutgers.edu/academic-programs/undergraduate-programs/bs-labor-and-employment-relations>

- Chương trình đào tạo cử nhân ngành Quan hệ lao động của Trường Đại học Wayne State, Mỹ với đường link: <https://clas.wayne.edu/employment-labor-relations/programs/ba>

- Chương trình đào tạo cử nhân ngành quan hệ lao động của Trường Đại học University of Western Australia, Úc với đường link: <https://www.uwa.edu.au/study/courses/work-and-employment-relations4>

- Chương trình đào tạo cử nhân ngành quan hệ lao động của Trường Đại học Auckland, New Zealand, với đường link: <https://www.auckland.ac.nz/en/study/study-options/find-a-study-option/employment-relations-and-organisation-studies.html>

Chương trình đào tạo cử nhân ngành quan hệ lao động của Trường Đại học Carlos III, Madrid, Tây Ba Nha, với đường link: <https://www.uc3m.es/grado/relaciones-laborales>

11. TIÊU CHUẨN ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN, TRỢ GIẢNG

➤ Giảng viên:

- Tốt nghiệp thạc sĩ trở lên, cụ thể:
 - Giảng viên giảng dạy các học phần thuộc khối giáo dục đại cương phải được đào tạo ở ít nhất một bậc học (từ bậc 6 trở lên trong Khung trình độ quốc gia) thuộc các nhóm ngành phù hợp về chuyên môn với học phần giảng dạy
 - Giảng viên giảng dạy các học phần cơ sở ngành phải được đào tạo ở ít nhất một bậc học (từ bậc 6 trở lên trong Khung trình độ quốc gia) thuộc khối ngành/lĩnh vực Kinh doanh và quản lý, phù hợp về chuyên môn với học phần giảng dạy
 - Giảng viên giảng dạy các học phần cơ sở ngành và chuyên ngành phải được đào tạo ở ít nhất một bậc học (từ bậc 6 trở lên trong Khung trình độ quốc gia) thuộc nhóm ngành Quản trị - Quản lý, ngành Quản trị nhân lực, phù hợp về chuyên môn với học phần giảng dạy.
- Có chứng chỉ bồi dưỡng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giảng viên
- Có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin và sử dụng ngoại ngữ trong thực hiện các nhiệm vụ của chức danh giảng viên

➤ Trợ giảng

- Tốt nghiệp đại học trở lên, cụ thể:

- Trợ giảng các học phần thuộc khối giáo dục đại cương phải được đào tạo ở ít nhất một bậc học (từ bậc 6 trở lên trong Khung trình độ quốc gia) thuộc các nhóm ngành phù hợp về chuyên môn với học phần trợ giảng.

- Trợ giảng các học phần cơ sở khối ngành phải được đào tạo ở ít nhất một bậc học (từ bậc 6 trở lên trong Khung trình độ quốc gia) thuộc khối ngành/lĩnh vực Kinh doanh và quản lý, phù hợp về chuyên môn với học phần trợ giảng

- Trợ giảng các học phần cơ sở ngành và chuyên ngành phải được đào tạo ở ít nhất một bậc học (từ bậc 6 trở lên trong Khung trình độ quốc gia) nhóm ngành Quản trị - Quản lý, ngành Quản trị nhân lực phù hợp về chuyên môn với học phần trợ giảng.

- Có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin và sử dụng ngoại ngữ trong thực hiện các nhiệm vụ của chức danh trợ giảng.

12. CƠ SỞ VẬT CHẤT, CÔNG NGHỆ VÀ HỌC LIỆU

Trường đại học Kinh tế quốc dân có chiến lược phát triển đến năm 2030 trở thành đại học thông minh, chú trọng đảm bảo và đáp ứng những yêu cầu về cơ sở hạ tầng, trang thiết bị thực hành, thí nghiệm, công nghệ thông tin, thư viện, học liệu, hệ thống quản lý hỗ trợ học tập, quản lý đào tạo, để giúp người học đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, phù hợp với đặc điểm của từng ngành, nhóm ngành hoặc lĩnh vực đào tạo. Những yêu cầu này được chi tiết và cụ thể trong các đề án mở ngành, xây dựng và ban hành chương trình đào tạo, đề án tuyển sinh đại học hàng năm, trong báo cáo 3 công khai ... được báo cáo Bộ GD&ĐT đồng thời được đăng tải trên cổng thông tin điện tử của Trường.

Các môn học/học phần trong chương trình đào tạo đảm bảo đầy đủ bộ học liệu theo quy định hiện hành, cụ thể gồm: giáo trình, đề cương học phần, slide bài giảng và các học liệu khác.

13. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

- Kế hoạch đào tạo chuẩn của chương trình đào tạo là 04 năm, mỗi năm có 02 học kỳ chính và 01 học kỳ phụ, phương thức tổ chức đào tạo theo tín chỉ.

- Căn cứ kế hoạch đào tạo chuẩn, Trường đăng ký mặc định thời khóa biểu từng học kỳ chính cho sinh viên, trừ học kỳ đầu tiên các học kỳ kế tiếp sinh viên được điều chỉnh đăng ký số tín chỉ/học phần tăng lên hoặc giảm đi theo quy định.

- Sinh viên được thi lại (01 lần/học phần) hoặc thi cải thiện điểm theo quy định.

- Sinh viên có thể học vượt để tốt nghiệp sớm so với kế hoạch đào tạo chuẩn hoặc tốt nghiệp muộn nhưng không quá thời gian đào tạo tối đa theo quy định.

- Từ học kỳ thứ hai, nếu đạt học lực khá sinh viên có thể được đăng ký học cùng lúc hai chương trình vào bất kỳ chương trình/ngành của trường theo quy định.

- Khối lượng kiến thức, phương pháp dạy và học, cách đánh giá học phần, nội dung cần đạt được (CĐR/CLO) của từng học phần được mô tả, quy định trong đề cương chi tiết mỗi học phần.

Hà Nội, ngày 15 tháng 04 năm 2024

TRƯỜNG KHOA



PGS.TS Vũ Hoàng Ngân

HIỆU TRƯỞNG 



GS.TS Phạm Hồng Chương